

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DUỢC PHẨM 3/2**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2009	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 23

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2 (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2 được thành lập theo Quyết định số 789/QĐ-TTg ngày 28 tháng 06 năm 2001 của Thủ Tướng Chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000613 ngày 24 tháng 09 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 19 tháng 10 năm 2009.

Trụ sở và nhà máy lần lượt được đặt tại Số 10 Công trường Quốc tế, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh và Số 930 C2, Đường C, Khu Công nghiệp Cát Lái-Cụm II, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 46.500.000.000 đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh dược phẩm, dược liệu, các loại thực phẩm từ dược liệu và các loại sản phẩm khác thuộc ngành y tế quản lý.
- Cho thuê văn phòng, nhà ở. Dịch vụ nhà đất.
- Giáo dục bậc tiểu học, đào tạo dạy nghề.
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cao ốc văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi.
- Đại lý phát hành sách báo có nội dung được phép lưu hành.
- Mua bán giấy viết, vở, bìa các tông, văn phòng phẩm và thiết bị văn phòng.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Lê Thanh Sử	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Kha	Thành viên
Bà Trần Thị Thanh Hương	Thành viên
Bà Lý Thị Thanh Vân	Thành viên
Ông Anthony Nguyễn	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Triệu	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Lê Thanh Sử	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thanh Hương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Châu Oanh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lý Thị Thanh Vân	Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

3. Tình hình kinh doanh năm 2009

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2009 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 cho Công ty.

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2010

TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ THANH SỬ

Số: 10.219/BCKT-DTL.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2 (dưới đây gọi tắt là Công ty). Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2 vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2010

TỔNG GIÁM ĐỐC

KIỂM TOÁN VIÊN

ĐẶNG XUÂN CẢNH
Chứng chỉ KTV số Đ.0067/KTV

ĐẶNG THỊ HỒNG LOAN
Chứng chỉ KTV số 0425/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		51.203.640.705	38.105.968.689
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	(5.1)	3.731.757.632	1.462.227.149
1. Tiền	111		3.731.757.632	1.462.227.149
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<i>III. Các khoản phải thu</i>	130		22.794.212.476	10.734.028.920
1. Phải thu khách hàng	131	(5.2)	22.363.580.076	10.393.217.025
2. Trả trước cho người bán	132		135.632.400	-
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		295.000.000	340.811.895
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	(5.3)	24.369.791.211	25.725.063.399
1. Hàng tồn kho	141		24.369.791.211	25.725.063.399
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		307.879.386	184.649.221
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		191.525.765	143.649.221
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		116.353.621	41.000.000

(Phần tiếp theo trang 05)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		66.496.684.025	68.037.346.810
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		57.135.133.894	60.100.456.745
1. TSCĐ hữu hình	221	(5.4)	52.764.360.455	56.074.683.306
+ Nguyên giá	222		83.148.761.064	80.775.442.107
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.384.400.609)	(24.700.758.801)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	(5.5)	3.631.604.939	3.631.604.939
+ Nguyên giá	228		3.631.604.939	3.631.604.939
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		739.168.500	394.168.500
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240	(5.6)	2.701.089.360	1.407.736.155
+ Nguyên giá	241		5.633.477.465	4.272.486.900
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		(2.932.388.105)	(2.864.750.745)
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		3.695.000.000	3.655.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	(5.7)	3.695.000.000	3.655.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260		2.965.460.771	2.874.153.910
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.8)	2.930.460.771	2.839.153.910
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		35.000.000	35.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		117.700.324.730	106.143.315.499

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		35.741.883.324	29.194.262.481
I. Nợ ngắn hạn	310		35.546.883.324	23.204.380.715
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.9)	21.652.910.706	15.142.306.895
2. Phải trả người bán	312	(5.10)	5.314.474.976	2.384.280.079
3. Người mua trả tiền trước	313		522.878.464	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.11)	1.504.889.246	372.684.482
5. Phải trả người lao động	315		2.498.388	838.895
6. Chi phí phải trả	316		27.000.000	35.000.000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	(5.12)	6.522.231.544	5.269.270.364
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		195.000.000	5.989.881.766
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		135.000.000	192.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	5.793.787.658
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336		60.000.000	4.094.108
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	(5.13)	81.958.441.406	76.949.053.018
I. Vốn chủ sở hữu	410		81.915.608.415	76.938.944.566
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		46.500.000.000	31.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24.195.000.000	24.195.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.506.844.615	16.231.158.347
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.408.041.192	2.053.628.142
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		5.305.722.608	3.459.158.077
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		42.832.991	10.108.452
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		42.832.991	10.108.452
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		117.700.324.730	106.143.315.499

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)		31.759,39	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2010

TỔNG GIÁM ĐỐC

VŨ TIẾN ĐÔNG

LÊ THANH SỬ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		118.119.631.326	95.240.664.681
2. Các khoản giảm trừ	02		406.579.584	1.627.076.850
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	117.713.051.742	93.613.587.831
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	81.372.870.461	67.092.096.093
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		36.340.181.281	26.521.491.738
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		59.521.623	220.347.719
7. Chi phí tài chính	22		1.487.425.469	3.485.565.766
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		1.475.565.975	3.485.565.766
8. Chi phí bán hàng	24	(6.3)	11.962.203.205	11.480.290.144
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.4)	5.338.558.251	4.928.122.407
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.611.515.979	6.847.861.140
11. Thu nhập khác	31		1.009.922.970	3.305.065.753
12. Chi phí khác	32		1.575.549.295	1.199.189.078
13. Lợi nhuận khác	40		(565.626.325)	2.105.876.675
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.045.889.654	8.953.737.815
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.6)	3.892.500.076	1.865.476.823
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.153.389.578	7.088.260.992
18. Lãi cơ bản trên cổ phần	70	(5.13.4)	2.829	2.287

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

VŨ TIẾN ĐÔNG

LÊ THANH SỬ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		17.045.889.654	8.953.737.815
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		5.975.624.461	10.001.991.164
Các khoản dự phòng	03		-	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(89.369.032)	(191.585.550)
Chi phí lãi vay	06		1.475.565.975	3.485.565.766
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		24.407.711.058	22.249.709.195
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(12.100.183.556)	(2.172.231.604)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.355.272.188	295.936.217
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		4.201.273.197	(2.116.557.715)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(139.183.405)	72.020.208
Tiền lãi vay đã trả	13		(1.475.565.975)	(3.485.565.766)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.809.128.107)	(951.634.757)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		185.144.000	38.600.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(792.359.621)	(70.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		12.832.979.779	13.860.275.778
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.295.152.165)	(3.733.062.909)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		40.159.909	(49.467.169)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(40.000.000)	(1.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		59.521.623	220.347.719
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.235.470.633)	(4.562.182.359)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		53.409.595.743	40.142.997.654
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(52.692.779.590)	(46.661.755.725)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.975.000.000)	(3.922.363.960)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.258.183.847)	(10.441.122.031)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		2.269.530.483	(1.143.028.612)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.462.227.149	2.605.255.761
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		3.731.757.632	1.462.227.149

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2010

TỔNG GIÁM ĐỐC

VŨ TIẾN ĐÔNG

LÊ THANH SỬ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bảng thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2 được thành lập theo Quyết định số 789/QĐ-TTg ngày 28 tháng 06 năm 2001 của Thủ Tướng Chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000613 ngày 24 tháng 09 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 19 tháng 10 năm 2009.

Trụ sở và nhà máy lần lượt được đặt tại Số 10 Công trường Quốc tế, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh và Số 930 C2, Đường C, Khu Công nghiệp Cát Lái-Cụm II, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 46.500.000.000 đồng.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh dược phẩm.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh dược phẩm, dược liệu, các loại thực phẩm từ dược liệu và các loại sản phẩm khác thuộc ngành y tế quản lý.
- Cho thuê văn phòng, nhà ở. Dịch vụ nhà đất.
- Giáo dục bậc tiểu học, đào tạo dạy nghề.
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cao ốc văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi.
- Đại lý phát hành sách báo có nội dung được phép lưu hành.
- Mua bán giấy viết, vở, bìa các tông, văn phòng phẩm và thiết bị văn phòng.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Chứng từ ghi sổ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

- Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

- Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được xử lý như sau:

+ Đối với tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

+ Đối với các khoản nợ phải thu dài hạn bằng ngoại tệ: Các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

+ Đối với các khoản nợ phải trả dài hạn bằng ngoại tệ:

- Trường hợp chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái thì chênh lệch tỷ giá hạch toán vào chi phí tài chính trong năm và tính vào chi phí hợp lý khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Trường hợp hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì Công ty được phân bổ một phần chênh lệch tỷ giá cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng mức hạch toán vào chi phí trong năm ít nhất bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí cho các năm sau nhưng tối đa không quá 5 năm.

- Trường hợp chênh lệch giảm thì được hạch toán vào thu nhập tài chính.

4.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	08 – 50 năm
+ Máy móc thiết bị	06 – 12 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 08 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 08 năm
+ Bất động sản đầu tư	22 – 50 năm

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.7. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: theo quyết định hàng năm của Hội đồng Quản trị.

4.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.10. Thuế

- Ưu đãi, miễn giảm thuế: Theo Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính, Công ty được áp dụng thuế suất thuế TNDN ưu đãi 20% trong 10 năm từ năm 2002 đến hết năm 2011.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.11. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	290.213.080	266.711.435
Tiền gửi ngân hàng	3.441.544.552	1.195.515.714
Tổng cộng	3.731.757.632	1.462.227.149

5.2. Phải thu khách hàng

Chủ yếu là khoản phải thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	12.348.556.806	12.025.939.187
Công cụ, dụng cụ	117.168.146	75.842.134
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.604.130.280	1.365.075.412
Thành phẩm	9.051.123.595	12.255.034.828
Hàng hóa	248.812.384	3.171.838
Cộng giá gốc hàng tồn kho	24.369.791.211	25.725.063.399

5.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

ĐVT: 1.000 đồng

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	33.374.493	42.303.856	3.054.832	2.042.261	80.775.442
Tăng trong năm	-	1.880.516	-	727.461	2.607.977
Giảm trong năm	-	224.120	-	10.538	234.658
Số dư cuối năm	33.374.493	43.960.252	3.054.832	2.759.184	83.148.761

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm	5.799.958	16.111.551	1.697.085	1.092.164	24.700.758
Tăng trong năm	757.643	4.489.851	346.638	313.855	5.907.987
Giảm trong năm	-	213.807	-	10.538	224.345
Số dư cuối năm	<u>6.557.601</u>	<u>20.387.595</u>	<u>2.043.723</u>	<u>1.395.481</u>	<u>30.384.400</u>

Giá trị còn lại

Tại ngày đầu năm	27.574.535	26.192.305	1.357.746	950.097	56.074.683
Tại ngày cuối năm	<u>26.816.892</u>	<u>23.572.657</u>	<u>1.011.109</u>	<u>1.363.703</u>	<u>52.764.361</u>

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp các khoản vay ngân hàng là 1.867.126.981 VNĐ
- Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 6.793.107.550 VNĐ.

5.5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất không thời hạn tại Số 930 C2, Đường C, Khu Công nghiệp Cát Lái-Cụm II, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.6. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Nhà	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	4.272.486.900	4.272.486.900
Tăng trong năm	1.360.990.565	1.360.990.565
Giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	<u>5.633.477.465</u>	<u>5.633.477.465</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	2.864.750.745	2.864.750.745
Tăng trong năm	67.637.360	67.637.360
Giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	<u>2.932.388.105</u>	<u>2.932.388.105</u>
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	1.407.736.155	1.407.736.155
Tại ngày cuối năm	<u>2.701.089.360</u>	<u>2.701.089.360</u>

- Giá trị còn lại cuối năm của bất động sản đầu tư đã dùng thế chấp các khoản vay ngân hàng là 1.349.596.791 VNĐ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.7. Đầu tư dài hạn khác

Là khoản đầu tư mua cổ phiếu các công ty sau:

	Số lượng	Cuối năm	Đầu năm
+ Công ty CP Dược 2 tháng 9	7.500	50.000.000	50.000.000
+ Công ty CP Dược phẩm An Giang	95.000	1.605.000.000	1.605.000.000
+ Công ty Bất động sản Nguyễn Kim	100.000	1.000.000.000	1.000.000.000
+ Công ty ĐTPT Kim Long	100.000	1.000.000.000	1.000.000.000
+ Trái phiếu chính phủ	3	40.000.000	-
Cộng	302.500	3.695.000.000	3.655.000.000

5.8. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu là chi phí trả trước tiền thuê đất tại số 10 Công trường Quốc tế, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.9. Vay ngắn hạn

Là khoản vay ngân hàng với lãi suất từ 10,5% đến 12% mỗi năm. Khoản vay này được thế chấp bằng nhà văn phòng, nhà kho, nhà xưởng và dây chuyền sản xuất viên nang mềm tự động của Công ty. Mục đích vay là để mua nguyên liệu, bao bì và trả lương nhân viên.

5.10. Phải trả người bán

Khoản phải trả người bán chủ yếu là khoản phải trả về mua nguyên liệu và bao bì với số tiền còn phải trả tính đến ngày 31/12/2009 là 5.216.690.411 VNĐ.

5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	28.227.278	48.202.933
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.407.853.518	324.481.549
Thuế thu nhập cá nhân	68.808.450	-
Tổng cộng	1.504.889.246	372.684.482

5.12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thừa chờ xử lý	219.941.164	-
Kinh phí công đoàn	-	6.227.934
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	190.720.082	-
Doanh thu chưa thực hiện	2.000.000.000	2.000.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.111.570.298	3.263.042.430
Tổng cộng	6.522.231.544	5.269.270.364

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Các khoản phải trả, phải nộp khác bao gồm:

	Cuối năm	Đầu năm
Thuê đất số 10 Công trường Quốc tế, Quận 3	3.227.503.000	3.227.503.000
Vay các thành viên trong Công ty	800.000.000	-
Phải trả khác	84.067.298	35.539.430
Tổng cộng	4.111.570.298	3.263.042.430

(Phần tiếp theo ở trang 19)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.13. Vốn chủ sở hữu

5.13.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Cộng
Số dư đầu năm trước	31.000.000.000	24.195.000.000	14.489.744.691	1.705.345.411	3.312.076.545	-	74.702.166.647
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	7.088.260.992	-	7.088.260.992
Chia cổ tức	-	-	-	-	(3.922.363.960)	-	(3.922.363.960)
Thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	-	(419.197.405)	-	(419.197.405)
Trích lập quỹ	-	-	1.741.413.656	348.282.731	(3.532.356.506)	1.442.660.119	-
Tặng khác	-	-	-	-	932.738.411	-	932.738.411
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	(1.432.551.667)	(1.432.551.667)
Số dư đầu năm nay	31.000.000.000	24.195.000.000	16.231.158.347	2.053.628.142	3.459.158.077	10.108.452	76.949.053.018
Tặng vốn năm nay	15.500.000.000	-	(15.500.000.000)	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	13.153.389.578	-	13.153.389.578
Chia cổ tức	-	-	-	-	(7.032.267.298)	-	(7.032.267.298)
Thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	-	(596.871.892)	-	(596.871.892)
Trích lập quỹ	-	-	2.775.686.268	354.413.050	(3.677.685.857)	547.586.539	-
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	(514.862.000)	(514.862.000)
Số dư cuối năm	46.500.000.000	24.195.000.000	3.506.844.615	2.408.041.192	5.305.722.608	42.832.991	81.958.441.406

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.13.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của Nhà nước (15%)	6.975.000.000	4.650.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác (85%)	39.525.000.000	26.350.000.000
Tổng cộng	46.500.000.000	31.000.000.000

5.13.3. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	4.650.000	3.100.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	4.650.000	3.100.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	-	-
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	4.650.000	3.100.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

5.13.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	13.153.389.578	7.088.260.992
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.650.000	3.100.000
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	2.829	2.287

5.13.5. Phân phối lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	3.459.158.077	3.312.076.545
Lợi nhuận sau thuế trong năm	13.153.389.578	7.088.260.992
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(2.775.686.268)	(1.741.413.656)
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	(354.413.050)	(348.282.731)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(547.586.539)	(1.442.660.119)
Chia cổ tức	(7.032.267.298)	(3.922.363.960)
Trả thù lao HĐQT và BKS	(596.871.892)	(419.197.405)
Tặng khác	-	932.738.411
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	5.305.722.608	3.459.158.077

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	112.478.564.891	85.381.798.422
Doanh thu bán nguyên, nhiên, vật liệu	989.768.278	969.432.658
Doanh thu thành phẩm biểu, khuyến mãi	27.388.250	2.722.020.538
Doanh thu bán hàng hóa	2.714.603.049	2.759.427.122
Doanh thu kinh doanh bất động sản	1.502.727.274	1.780.909.091
Doanh thu thuần	117.713.051.742	93.613.587.831

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	76.405.345.479	61.648.023.042
Giá vốn nguyên, nhiên, vật liệu	1.032.820.269	977.504.931
Giá vốn thành phẩm biểu, khuyến mãi	1.830.979.251	2.257.091.746
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.783.016.342	2.127.795.890
Giá vốn khấu hao bất động sản đầu tư	320.709.120	81.680.484
Tổng cộng	81.372.870.461	67.092.096.093

6.3. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	4.498.421.990	3.471.301.723
Chi phí khấu hao tài sản cố định	276.302.288	224.419.710
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.165.437.206	1.338.548.844
Chi phí khác bằng tiền	6.022.041.721	6.446.019.867
Tổng cộng	11.962.203.205	11.480.290.144

6.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	2.589.208.114	2.219.428.227
Chi phí khấu hao tài sản cố định	183.836.783	237.966.091
Chi phí dịch vụ mua ngoài	525.916.275	1.584.915.845
Chi phí khác bằng tiền	2.039.597.079	885.812.244
Tổng cộng	5.338.558.251	4.928.122.407

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.5. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	49.276.808.582	40.885.418.412
Chi phí nhân công	20.632.537.370	15.447.576.339
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.975.624.461	7.177.523.264
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.380.179.405	6.987.604.032
Chi phí khác bằng tiền	13.103.355.098	17.687.141.441
Tổng cộng	95.368.504.916	88.185.263.488

6.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	17.045.889.654	8.953.737.815
▪ Cộng các khoản chi phí không được khấu trừ	2.143.651.467	560.850.302
▪ Trừ thu nhập không chịu thuế	(24.105.000)	(187.204.000)
Thu nhập tính thuế	19.165.436.121	9.327.384.117
Thuế TNDN phải nộp	3.892.500.076	1.865.476.823
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50% (theo Nghị định 51/NĐ-CP ngày 08/07/1999 của Chính phủ)	-	932.738.412
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	3.892.500.076	932.738.412

7. Thông tin về các bên có liên quan

Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	466.316.084	441.459.439
Lương Tổng Giám đốc	414.863.000	403.049.364
Lương các nhân viên chủ chốt khác	831.012.000	746.194.322
Tổng cộng	1.712.191.084	1.590.703.125

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

8. Các sự kiện sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

9. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 19 tháng 03 năm 2010.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

VŨ TIẾN ĐÔNG

LÊ THANH SỬ